

BÀN VỀ RỦI RO SỞ HỮU CHÉO CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN LUẬT CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG 2024 CỦA VIỆT NAM

TS. Nghiêm Văn Bảy* - Lê Đình Khải*

Bài nghiên cứu này phân tích hiện trạng sở hữu chéo trong hệ thống ngân hàng thương mại tại Việt Nam. Bắt đầu từ việc làm rõ các đặc điểm cốt lõi và những tác động tiêu cực đến tính ổn định tài chính cũng như hiệu quả quản trị ngân hàng. Thông qua phân tích dữ liệu thứ cấp và các trường hợp thực tiễn, nghiên cứu cho thấy thực trạng sở hữu chéo làm gia tăng các rủi ro như: rủi ro tập trung tín dụng, rủi ro lây lan giữa các tổ chức tài chính, và rủi ro đạo đức trong hoạt động quản trị. Đồng thời, vấn đề này đặt ra thách thức lớn cho công tác giám sát và quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Bài viết nhấn mạnh vai trò then chốt của khuôn khổ pháp lý, đặc biệt là Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2024, trong việc kiểm soát sở hữu chéo, từ đó hướng tới một hệ thống ngân hàng thương mại minh bạch, an toàn và phát triển bền vững hơn.

• Từ khóa: sở hữu chéo; ngân hàng thương mại; ổn định tài chính; rủi ro hệ thống; quản trị ngân hàng; giới hạn sở hữu; luật các tổ chức tín dụng 2024.

This study analyzes the current state of cross-ownership within Vietnam's commercial banking system. It begins by elucidating the core characteristics and adverse impacts on financial stability and bank governance efficiency. Through secondary data analysis and practical case studies, the research reveals that existing cross-ownership practices exacerbate risks such as: credit concentration risk, contagion risk among financial institutions, and moral hazard in governance activities. Simultaneously, this issue poses significant challenges for the supervision and management efforts of the State Bank of Vietnam. The paper underscores the pivotal role of the legal framework, particularly the Law on Credit Institutions 2024, in controlling cross-ownership, thereby striving towards a more transparent, secure, and sustainably developing commercial banking system.

• Key words: cross ownership; commercial banks; financial stability; systemic risk; bank governance; ownership limits; law on credit institutions 2024.

Ngày gửi bài: 25/3/2025

Ngày gửi phản biện: 04/5/2025

Ngày nhận kết quả và sửa phản biện: 30/5/2025

Ngày chấp nhận đăng: 30/7/2025

DOI: <https://doi.org/10.71374/jfar.v25.i294.16>

1. Giới thiệu

Sự ổn định và phát triển bền vững của hệ thống ngân hàng thương mại được xem là điều kiện then chốt để bảo đảm tăng trưởng kinh tế dài hạn của

mỗi quốc gia. Trong bối cảnh nền kinh tế mới nổi như Việt Nam, sự xuất hiện của các cấu trúc sở hữu phức tạp, đặc biệt là sở hữu chéo của các ngân hàng thương mại đang đặt ra những thách thức đáng kể cho công tác quản lý, giám sát và điều tiết hệ thống tài chính. Sở hữu chéo trong lĩnh vực ngân hàng thương mại được hiểu là tình trạng các tổ chức tín dụng, hoặc giữa các ngân hàng và doanh nghiệp phi tài chính (đặc biệt là các tập đoàn kinh tế lớn), đồng thời nắm giữ cổ phần lẫn nhau. Hiện tượng này không chỉ phản ánh những bất cập trong khuôn khổ pháp lý giai đoạn trước mà còn cho thấy rõ hạn chế trong minh bạch quản trị doanh nghiệp và năng lực giám sát từ phía cơ quan quản lý. Bài viết này nhằm cung cấp một phân tích thực trạng về sở hữu chéo trong hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam, xem xét vai trò của khuôn khổ pháp lý - đặc biệt là Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2024 để đưa ra giải pháp và khuyến nghị trong việc kiểm soát và xử lý vấn đề này nhằm dựng một hệ thống ngân hàng thương mại minh bạch, hiệu quả và an toàn hơn.

2. Tổng quan và cơ sở lý thuyết

Việc nghiên cứu hiện tượng sở hữu chéo trong lĩnh vực ngân hàng thương mại tại Việt Nam đòi hỏi phải đặt trong khuôn khổ lý thuyết đa chiều, kết hợp giữa các lý thuyết kinh tế học hiện đại và các đặc điểm thể chế đặc thù của nền kinh tế chuyển đổi. Tại Việt Nam, quá trình chuyển đổi từ mô hình ngân hàng thương mại theo cơ chế thị

* Học viện Tài chính

trường đã kéo theo sự phát triển thiếu kiểm soát của các mối quan hệ sở hữu chéo giữa các ngân hàng và tập đoàn kinh tế tư nhân. Điều này đặc biệt rõ rệt trong giai đoạn 2011-2015, khi hệ thống ngân hàng chứng kiến nhiều dấu hiệu mất ổn định, chủ yếu xuất phát từ các hành vi cho vay nội bộ, đầu tư chéo và quản trị thiếu minh bạch của các ngân hàng thương mại cổ phần và các tập đoàn tư nhân. Theo báo cáo của Ngân hàng Nhà nước, tình trạng sở hữu chéo và các giao dịch “sân sau” là nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng yếu kém của một số tổ chức tín dụng. Từ đó, bắt buộc cơ quan quản lý nhà nước phải tiến hành các biện pháp can thiệp mạnh, bao gồm cả việc mua lại bắt buộc một số ngân hàng với giá 0 đồng nhằm ngăn chặn rủi ro đổ vỡ dây chuyền.

Khái niệm sở hữu chéo trong ngân hàng thương mại có thể được hiểu là hiện tượng trong đó một ngân hàng, hoặc nhóm các ngân hàng và doanh nghiệp phi tài chính - chẳng hạn công ty chứng khoán, bảo hiểm hoặc tập đoàn kinh tế - đồng thời nắm giữ cổ phần của nhau. Mối quan hệ sở hữu này có thể được thiết lập một cách trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các công ty trung gian, tạo nên một mạng lưới liên kết về vốn và quyền lực kinh tế.

Theo phân loại phổ biến trong nghiên cứu, sở hữu chéo trong ngân hàng có thể được chia thành ba hình thức cơ bản: (i) ngân hàng đầu tư vào ngân hàng khác hoặc doanh nghiệp phi ngân hàng; (ii) doanh nghiệp hoặc nhóm cá nhân đầu tư vào một hoặc nhiều ngân hàng; và (iii) các ngân hàng đồng thời sở hữu cổ phần lẫn nhau. Mỗi hình thức này đều hàm chứa những liên kết về vốn, lợi ích và quyền kiểm soát ngân hàng, góp phần làm gia tăng rủi ro đạo đức, xung đột lợi ích và tiềm ẩn nguy cơ lan truyền trong hệ thống tài chính nếu không được quản lý chặt chẽ.

Những cơ sở lý thuyết trên không chỉ giúp lý giải bản chất phức tạp của sở hữu chéo mà còn đặt nền tảng cho việc xây dựng các công cụ pháp lý và chính sách quản trị phù hợp, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam đang triển khai Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2024 với kỳ vọng định hình lại cấu trúc sở hữu trong hệ thống ngân hàng thương mại theo hướng minh bạch, hiệu quả và an toàn hơn.

3. Phương pháp nghiên cứu

Để đạt được mục tiêu nghiên cứu, bài báo sử dụng các phương pháp tiếp cận định tính kết hợp với phân tích định lượng qua dữ liệu thứ cấp, bao

gồm bốn kỹ thuật chính: phân tích nội dung, phân tích so sánh, phân tích định tính chuyên sâu và phân tích định lượng hỗ trợ..

Phân tích nội dung được sử dụng làm phương pháp nền tảng, tập trung vào việc thu thập và giải mã các quy phạm pháp luật, khái niệm cốt lõi và cơ chế kiểm soát liên quan đến sở hữu chéo. Dữ liệu được thu thập từ các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành như Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2024, các thông tư hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN), cùng các báo cáo chuyên đề, tài liệu học thuật và ấn phẩm nghiên cứu được công bố chính thức.

Phân tích so sánh được triển khai nhằm đối chiếu các quy định pháp lý hiện hành với các quy định tiền nhiệm như Luật Các Tổ chức tín dụng 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2024. Phương pháp này cho phép đánh giá mức độ hoàn thiện của khuôn khổ pháp lý mới thông qua việc phân tích các tiêu chí cụ thể như giới hạn sở hữu cổ phần, giới hạn cấp tín dụng đối với các bên liên quan, và yêu cầu minh bạch thông tin cổ đông.

Phân tích định tính chuyên sâu đóng vai trò trung tâm trong việc tổng hợp và diễn giải thông tin, đặc biệt là khi phân tích các rủi ro hệ thống phát sinh từ sở hữu chéo các ngân hàng thương mại. Dữ liệu được trích xuất từ các nghiên cứu học thuật, báo cáo phân tích của các tổ chức tài chính, và các bài viết trên các phương tiện truyền thông chính thống được thừa nhận.

Cuối cùng, các số liệu được thu thập từ nguồn dữ liệu thứ cấp, bao gồm báo cáo tài chính đã kiểm toán của các ngân hàng, báo cáo tổng kết của NHNN, Kiểm toán Nhà nước, và các tổ chức nghiên cứu trong nước.

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Thực trạng phức tạp của Sở hữu chéo

Sở hữu chéo trong hệ thống NHTM Việt Nam hiện nay vẫn duy trì tính chất đa chiều và phức tạp, vượt xa mối quan hệ hai chiều đơn thuần. Điều này được thể hiện qua các điểm sau:

Mạng lưới liên kết đa tầng

Sở hữu chéo không chỉ dừng lại ở việc các ngân hàng thương mại đầu tư vào nhau mà còn mở rộng thành mối liên kết chặt chẽ giữa ngân hàng, các công ty con/liên kết (chứng khoán, bảo hiểm), và các tập đoàn kinh tế lớn (đặc biệt trong lĩnh vực bất động sản). Các nhóm lợi ích tư nhân

thường sử dụng nhiều pháp nhân bình phong và người đại diện để che giấu quyền sở hữu thực sự, nhằm lách các quy định về giới hạn sở hữu. Ví dụ, một số cá nhân đã thông qua hàng chục công ty con để nắm giữ cổ phần vượt trần quy định tại một số ngân hàng, điều mà các vụ án lớn như VNCB hay OceanBank đã chứng minh.

Vượt giới hạn quy định

Việc che giấu quyền sở hữu thực chất thường được thực hiện nhằm né tránh các giới hạn về tỷ lệ sở hữu cổ phần được quy định trong pháp luật. Từ năm 2005 đến năm 2007, để đáp ứng được yêu cầu về vốn điều lệ tối thiểu là 1.000 tỷ đồng trở lên, nhiều ngân hàng đã phải liên kết và chia sẻ vốn. Từ năm 2010 trở đi, vốn điều lệ tối thiểu tăng lên 3.000 tỷ đồng tạo ra áp lực rất lớn cho các ngân hàng trong bối cảnh số lượng các tổ chức ngày càng tăng. Cụ thể, theo quy định tại Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010 và các sửa đổi bổ sung năm 2017, một cá nhân không được nắm giữ quá 5% vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng; đối với tổ chức, mức trần là 15%; còn tổng tỷ lệ sở hữu của một cổ đông và những người có liên quan không được vượt quá 20%. Tuy nhiên, kết quả thanh tra của Ngân hàng Nhà nước cho thấy rằng, tại một số tổ chức tín dụng yếu kém đang trong diện kiểm soát đặc biệt, tỷ lệ sở hữu thực tế của một số nhóm lợi ích có thể dao động từ 30% đến 60%, chủ yếu thông qua các cấu trúc sở hữu gián tiếp và các hình thức che giấu phức tạp. Điều này phản ánh mức độ phổ biến và tinh vi của các hành vi lách luật trong thực tiễn.

Dữ liệu tổng hợp cho thấy, qua 11 tập đoàn tài chính hàng đầu tại Việt Nam đang nắm giữ tổng tài sản lên tới gần 14 triệu tỷ đồng, tương đương khoảng 67% tổng quy mô tài sản của toàn bộ hệ thống tập đoàn tài chính trong nước. Tổng dư nợ của các tập đoàn này đạt khoảng 9,9 triệu tỷ đồng, chiếm khoảng 67,3% dư nợ tín dụng toàn hệ thống. Trong số đó, 10 tập đoàn có cấu trúc tổ chức với ngân hàng thương mại giữ vai trò công ty mẹ, trong khi chỉ có một trường hợp do doanh nghiệp bảo hiểm dẫn dắt. Các tập đoàn tài chính có vốn nhà nước chi phối thường sở hữu cấu trúc hệ sinh thái đơn giản hơn và hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực tài chính thuần túy (nguồn: Báo Đầu tư).

4.2. Các rủi ro tiềm ẩn và hệ lụy

Thực trạng sở hữu chéo phức tạp đã gây ra những rủi ro nghiêm trọng cho hệ thống ngân hàng Việt Nam. Cụ thể:

Rủi ro tập trung tín dụng và suy giảm chất lượng tài sản

Quan hệ sở hữu chéo giữa các ngân hàng và doanh nghiệp trong cùng một tập đoàn hoặc nhóm lợi ích thường tạo điều kiện thuận lợi cho việc cấp tín dụng dễ giải, đặc biệt là đối với các công ty có liên hệ với cổ đông lớn. Các khoản vay của các thương mại cổ phần trong mối quan hệ này thường thiếu minh bạch, quy trình thẩm định lỏng lẻo và tiềm ẩn rủi ro. Báo cáo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về tái cơ cấu hệ thống tổ chức tín dụng giai đoạn 2011-2015 ghi nhận rằng, tỷ lệ nợ xấu toàn hệ thống theo cách tính của các tổ chức quốc tế đã vượt mức cao, trong đó một phần không nhỏ bắt nguồn từ các khoản vay có liên quan đến các doanh nghiệp “sân sau” của cổ đông chi phối. Mặc dù đến cuối năm 2023, tỷ lệ nợ xấu công bố chính thức đã giảm xuống dưới 3%, phần lớn do xử lý thông qua Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC), nhưng các khoản nợ liên quan đến sở hữu chéo trong quá khứ vẫn để lại dư chấn đối với sự ổn định tài chính của hệ thống ngân hàng.

Rủi ro lây lan

Mối liên kết chằng chịt giữa các tổ chức thông qua sở hữu chéo làm tăng nguy cơ lây lan khủng hoảng. Nếu một mắt xích yếu kém về tài chính, rủi ro có thể lan sang các bên khác. Chi phí xử lý nợ xấu và tái cơ cấu các ngân hàng yếu kém trong giai đoạn 2011-2015 đã tiêu tốn nguồn lực quốc gia ước tính lên tới hàng trăm nghìn tỷ đồng, chủ yếu từ việc giải quyết các hệ quả của sở hữu chéo và rủi ro lây lan. Ví dụ, sự yếu kém của một số ngân hàng nhỏ đã ảnh hưởng đến niềm tin hệ thống, buộc NHNN phải mua lại 3 ngân hàng với giá 0 đồng để ngăn chặn sụp đổ dây chuyền.

Rủi ro đạo đức và xung đột lợi ích

Rủi ro đạo đức và xung đột lợi ích là một trong những hệ quả nghiêm trọng của sở hữu chéo trong hệ thống ngân hàng thương mại. Đặc biệt khi cổ đông lớn có thể thao túng hoạt động tín dụng nhằm phục vụ cho lợi ích riêng. Khi quyền sở hữu và quyền kiểm soát không được tách biệt rõ ràng, đặc biệt trong các ngân hàng thương mại có cấu trúc sở hữu tập trung hoặc bị chi phối bởi một nhóm lợi ích, các quyết định quản trị có thể bị định hướng theo mục tiêu tư lợi thay vì đảm bảo an toàn và hiệu quả. Các cổ đông lớn thường có động cơ thúc đẩy việc cấp tín dụng cho các công ty liên quan, bất chấp khả năng trả nợ và hiệu quả

tài chính, dẫn đến phân bổ nguồn lực sai lệch, làm suy yếu chất lượng tài sản và gia tăng rủi ro hệ thống. Một minh chứng điển hình là vụ án xảy ra tại Ngân hàng Xây dựng Việt Nam (VNCB), trong đó cựu Chủ tịch HĐQT đã sử dụng quyền lực quản lý để chỉ đạo cấp hàng loạt khoản vay trái quy định cho các doanh nghiệp có liên hệ lợi ích, gây thất thoát hơn 9.000 tỷ đồng. Trường hợp này cho thấy rõ cơ chế lạm dụng quyền lực trong môi trường sở hữu chéo thiếu kiểm soát, nơi mà các quy trình tín dụng bị thao túng nhằm phục vụ cho các mục tiêu cá nhân hoặc nhóm, dẫn đến thiệt hại nghiêm trọng cho ngân hàng.

Thiếu minh bạch thông tin và khó khăn giám sát

Sở hữu chéo phức tạp khiến thông tin tài chính của ngân hàng không minh bạch, làm sai lệch các chỉ số phản ánh hoạt động và gây khó khăn cho NHNN trong việc đánh giá chính xác thực trạng của ngân hàng. Điều này làm chậm trễ quá trình phát hiện rủi ro và áp dụng các biện pháp can thiệp kịp thời.

4.3. Giải pháp từ Luật Các TCTD 2024

Luật Các TCTD 2024, có hiệu lực từ ngày 01/7/2024, đã đưa ra các giải pháp mạnh mẽ nhằm giải quyết các rủi ro từ sở hữu chéo:

Giới hạn tín dụng đối với người có liên quan

Tổng mức cấp tín dụng cho một khách hàng được giảm từ 15% xuống 10% vốn tự có của ngân hàng. Tổng mức cấp tín dụng cho một khách hàng và người có liên quan giảm từ 25% xuống 15% vốn tự có (Điều 136, Luật TCTD 2024). Các quy định này được kỳ vọng sẽ hạn chế đáng kể khả năng các cổ đông lớn “rút ruột” ngân hàng thông qua các khoản vay cho “sân sau”. Tuy nhiên, thách thức nằm ở việc xác định đầy đủ và chính xác những “người có liên quan” trong một mạng lưới sở hữu chéo phức tạp.

Minh bạch hóa thông tin cổ đông

Ngân hàng phải công khai thông tin của các cổ đông sở hữu từ 1% vốn điều lệ trở lên (thay vì 5% như luật cũ) (Điều 64, Luật TCTD 2024). Việc hạ thấp ngưỡng công khai là bước tiến quan trọng, giúp NHNN và công chúng dễ dàng hơn trong việc nhận diện các nhóm cổ đông có ảnh hưởng và các mối liên kết sở hữu chéo ẩn danh. Tuy nhiên, việc áp dụng hiệu quả quy định này đòi hỏi năng lực giám sát công nghệ và sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chức năng để chống lại các thủ đoạn che giấu ngày càng tinh vi.

Tăng cường quản trị và xử lý TCTD yếu kém

Luật 2024 cũng tăng cường các quy định về tiêu chuẩn, điều kiện và nhiệm vụ của các vị trí quản lý, điều hành (Điều 44, 45, 46). Đồng thời, bổ sung các quy định mạnh mẽ hơn về phương án cơ cấu lại TCTD được kiểm soát đặc biệt, bao gồm cả việc chuyển giao bắt buộc, mua bắt buộc (Chương VIII). Các quy định này nhằm nâng cao tính độc lập của bộ máy quản trị, giảm thiểu khả năng thao túng từ các nhóm lợi ích sở hữu chéo. Khả năng can thiệp sớm và xử lý quyết liệt các TCTD yếu kém sẽ giúp ngăn chặn rủi ro lây lan và làm trong sạch hệ thống. Tuy nhiên, việc thực thi đòi hỏi quyết tâm chính trị cao và khả năng đối phó với những phản ứng từ các nhóm lợi ích có liên quan.

4.4. Hạn chế của giải pháp và hướng nghiên cứu tiếp theo

Mặc dù Luật TCTD 2024 là bước tiến quan trọng, việc kiểm soát sở hữu chéo vẫn đối mặt với các hạn chế: (i) Tính phức tạp của việc xác định chủ sở hữu thực sự: Các thủ đoạn che giấu sở hữu ngày càng tinh vi hơn; (ii) Khả năng lách luật: các đối tượng có thể tìm kiếm kẽ hở mới hoặc sử dụng các hình thức liên kết khác ngoài sở hữu cổ phần để duy trì ảnh hưởng; và (iii) năng lực giám sát: NHNN cần tiếp tục nâng cao năng lực về công nghệ, nguồn nhân lực và phối hợp liên ngành để phát hiện và xử lý hiệu quả.

Hướng nghiên cứu tiếp theo có thể tập trung vào việc đánh giá hiệu quả thực tế của Luật TCTD 2024 sau khi có hiệu lực, phân tích các phương thức lách luật mới (nếu có), và nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về việc kiểm soát sở hữu chéo trong bối cảnh các thị trường mới nổi để đề xuất các giải pháp bổ sung cho Việt Nam.

5. Kết luận, Giải pháp và Khuyến nghị

5.1. Kết luận

Nghiên cứu đã phân tích sâu sắc thực trạng phức tạp của sở hữu chéo trong hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam, chỉ ra đây là một nguyên nhân của các rủi ro hệ thống, bao gồm rủi ro tập trung tín dụng, rủi ro lây lan, rủi ro đạo đức và sự thiếu minh bạch thông tin. Mặc dù đã có nhiều nỗ lực, tình trạng lách luật và che giấu sở hữu vẫn diễn ra, gây ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng tài sản và hiệu quả quản trị của các ngân hàng. Các vụ án kinh tế lớn trong ngành ngân hàng (như VNCB, OceanBank) với thiệt hại hàng nghìn tỷ đồng là minh chứng rõ nét cho hậu quả của vấn đề này.

Luật Các Tổ chức Tín dụng năm 2024, với các quy định siết chặt giới hạn tín dụng đối với người có liên quan và yêu cầu minh bạch hóa thông tin cổ đông. Tuy nhiên, việc thực thi hiệu quả các quy định này vẫn đòi hỏi sự quyết tâm, đồng bộ và liên tục nâng cao năng lực giám sát.

5.2. Giải pháp và Khuyến nghị

Để giảm thiểu rủi ro từ sở hữu chéo và củng cố sự ổn định của hệ thống ngân hàng Việt Nam, nghiên cứu đề xuất các nhóm giải pháp và khuyến nghị chính sách sau:

5.2.1. Nâng cao hiệu quả thực thi Luật Các TCTD 2024

Xây dựng văn bản dưới luật chi tiết và đồng bộ

NHNN cần khẩn trương ban hành các Nghị định, Thông tư hướng dẫn chi tiết việc triển khai Luật TCTD 2024, đặc biệt là các quy định về xác định “người có liên quan”, cơ chế công khai thông tin cổ đông, và giám sát giới hạn tín dụng. Các văn bản này cần cụ thể, rõ ràng, tránh kẽ hở để hạn chế khả năng lách luật.

Tăng cường năng lực giám sát và thanh tra

NHNN cần đầu tư mạnh mẽ vào công nghệ thông tin và phân tích dữ liệu lớn (Big Data, AI) để xây dựng hệ thống giám sát tự động, có khả năng phát hiện sớm các mô hình sở hữu chéo phức tạp, các giao dịch đáng ngờ và các dấu hiệu vượt giới hạn sở hữu/tín dụng bị che giấu.

Phối hợp giữa các bộ, ngành

Tăng cường hợp tác chặt chẽ giữa NHNN với các cơ quan quản lý khác như Bộ Tài chính (về đăng ký doanh nghiệp, về thị trường chứng khoán, bảo hiểm), và các cơ quan điều tra (công an, viện kiểm sát) để có cái nhìn toàn diện về mạng lưới sở hữu và dòng tiền, qua đó kịp thời phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm.

Xử lý nghiêm các vi phạm

Kiên quyết xử lý các hành vi thao túng, lách luật, và cấp tín dụng sai quy định liên quan đến sở hữu chéo. Các hình phạt cần đủ sức răn đe để ngăn chặn tái phạm, đồng thời tăng cường thu hồi tài sản bị thất thoát. Các vụ án lớn như VNCB và OceanBank đã cho thấy sự quyết liệt trong xử lý vi phạm. Tuy nhiên, việc thu hồi tài sản vẫn còn thách thức. Theo báo cáo của Chính phủ, đến hết năm 2023, tổng số nợ xấu được xử lý trong giai đoạn 2017-2022 đạt khoảng 1,72 triệu tỷ đồng (trong đó có phần lớn từ các TCTD yếu kém, liên quan đến sở hữu chéo trước đây), nhưng tỷ lệ thu

hồi tiền mặt còn hạn chế, cho thấy tính phức tạp của việc xử lý hậu quả.

5.2.2. Nâng cao quản trị nội bộ tại các ngân hàng

Tăng cường vai trò độc lập của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Đảm bảo các thành viên có đủ năng lực, chuyên môn và tính độc lập cần thiết, không bị chi phối bởi các cổ đông lớn hoặc nhóm lợi ích. Xây dựng cơ chế đánh giá hiệu quả và trách nhiệm giải trình rõ ràng cho các thành viên này.

Hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro

Các ngân hàng thương mại cần xây dựng và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ chặt chẽ, đặc biệt đối với các giao dịch với bên liên quan. Áp dụng các chuẩn mực quản lý rủi ro tiên tiến (ví dụ: Basel II/III) để đánh giá và giám sát chặt chẽ rủi ro tín dụng tập trung và các rủi ro khác phát sinh từ sở hữu chéo.

Minh bạch thông tin nội bộ

Các ngân hàng thương mại cần công khai đầy đủ và kịp thời các thông tin về cấu trúc sở hữu, các giao dịch với bên liên quan (dù không vi phạm giới hạn), và chất lượng tài sản để cổ đông, thị trường và cơ quan quản lý có thể đánh giá chính xác sức khỏe của ngân hàng.

5.2.3. Phát triển thị trường vốn và đa dạng hóa kênh dẫn vốn

Đẩy mạnh phát triển thị trường chứng khoán

Một thị trường vốn phát triển và minh bạch sẽ tạo thêm các kênh huy động vốn cho doanh nghiệp, giảm sự phụ thuộc quá mức vào kênh tín dụng ngân hàng, từ đó giảm áp lực cho ngân hàng và hạn chế động cơ sở hữu chéo để tạo “sân sau” tài chính.

Đa dạng hóa nguồn vốn cho ngân hàng

Khuyến khích ngân hàng huy động vốn từ nhiều nguồn khác nhau (phát hành trái phiếu, tăng vốn chủ sở hữu từ các nhà đầu tư chiến lược độc lập), giảm sự phụ thuộc vào vốn từ các nhóm cổ đông nội bộ hoặc liên quan.

Tài liệu tham khảo:

- Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (2010). Luật Các Tổ chức Tín dụng số 47/2010/QH12.
Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (2024). Luật Các Tổ chức Tín dụng số 32/2024/QH15.
Tập chí Kinh tế và Dự báo, Bộ Kế hoạch và Đầu tư. (2024). Phân tích về Luật Các Tổ chức Tín dụng 2024.
Các bài báo từ các phương tiện truyền thông chính thống: baodautu.vn.
Luong Thanh Binh, Tran Van Kien. Enhancing the Effectiveness of Law Enforcement on Cross-Ownership Control in Commercial Banks in Vietnam.. (2013). <https://www.ijmei.org>.

** Lê Đình Khải - CQ60/11.03CLC - Học viện Tài chính